

Phụ lục
TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BAN, BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DỤNG CÔNG VỤ

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
	<p>Đề nghị xem xét bổ sung "Nghị định này quy định chi tiết Điều 24 Luật Giao dịch điện tử về ...".</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ có các quy định chi tiết Điều 24 và các nội dung liên quan chữ ký số chuyên dùng công vụ khác được quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
2.1	<p>Việc quy định đối tượng áp dụng là quá rộng và chưa phù hợp văn bản cấp trên có thẩm quyền. Đề nghị chính xác hóa đối tượng áp dụng, chỉ tập trung đối tượng là cán bộ, công chức thực thi hoạt động công vụ trong cơ quan nhà nước.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>- Thứ nhất là, về cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng: Ngày 11/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, trong đó xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: <i>"Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ"</i>.</p> <p>- Thứ hai là, trong quá trình xây dựng Luật Giao dịch điện tử, có ý kiến của</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		<p>Đại biểu Quốc hội đề nghị đổi tên "Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ" thành chữ ký số chuyên dùng công vụ" cho phù hợp với phạm vi sử dụng. Theo đó, tại báo cáo số 1171/BC-UBKHCNMT15 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho rằng: sau khi nghiên cứu ý kiến của Đại biểu Quốc hội và thực tiễn triển khai tại Việt Nam cho thấy, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ đã và đang được sử dụng trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước (cán bộ, công chức, viên chức), do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp. Việc sử dụng thuật ngữ "<i>chuyên dùng Chính phủ</i>" chưa thể hiện rõ đối tượng áp dụng. Do đó, tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường đề nghị chỉnh lý cụm từ "Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ" thành chữ ký số chuyên dùng công vụ" để bao quát được các đối tượng sử dụng.</p> <p>- Thứ ba là, khái niệm "hoạt động công vụ" tại Luật Cán bộ, công chức áp dụng cho đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng, không phải cho toàn bộ hoạt động công vụ. Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính phủ quy định: "<i>Người thi hành công vụ là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân được các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của nhà nước, nhân dân và xã hội</i>". Ngoài ra, tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ xác định đối tượng thực hiện văn hóa công vụ là <i>cán bộ, công chức, viên chức</i>.</p> <p>- Thứ tư là, theo Luật Viên chức, "Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm; làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập... (Điều 2)", và nguyên tắc quản lý viên chức: "Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		<p>Cộng sản Việt Nam và sự thống nhất quản lý của nhà nước (Điều 6)". Hơn nữa, đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước; đặc điểm của đơn vị sự nghiệp công lập là đơn vị thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>- Thứ năm là, thực tiễn triển khai tại Việt Nam: từ năm 2007 đến nay, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cung cấp chứng thư số cho các tổ chức, cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức) thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Hiện nay, đối tượng cung cấp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP (Trong đó, tại điểm a khoản 1 Điều 60 quy định đối tượng cá nhân áp dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là cán bộ, công chức, viên chức). Đến nay, đã cung cấp khoảng gần 300.000 chứng thư số cho các đơn vị sự nghiệp công lập và đội ngũ viên chức; chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp đã được các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả trong hoạt động điều hành, tác nghiệp và cung cấp dịch vụ công.</p> <p>- Thứ sáu là, hoạt động cung cấp chứng thư số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là hoạt động đặc thù, phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối tượng phục vụ các tổ chức, cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức) thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và không thu phí. Hiện nay, Ban Cơ yếu chính phủ đang triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ sử dụng giải pháp ký số tập trung cho đối tượng là viên chức, giải pháp này đã và đang được triển khai sử dụng hiệu quả, không tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước.</p> <p>Với những nội dung phân tích, giải trình nêu trên, đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định là phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực tiễn triển khai tại Việt Nam.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
2.2	<p>Xem xét, bổ sung, làm rõ đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan Đảng. * Cơ quan góp ý: Ban Tuyên giáo TW, Tỉnh ủy Hà Tĩnh.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Tổ chức chính trị tại nước ta là Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức chính trị cũng là tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan Đảng. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
2.3	<p>Tại nội dung các khoản 1, 2, 3, 4: Đề nghị viết lại thành "Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan". * Cơ quan góp ý: HĐND tỉnh Vĩnh Long.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ cần quy định rõ ràng, cụ thể, đầy đủ nhằm tạo thuận lợi để các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện, tránh chồng chéo, trùng lặp trong thực tế. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
2.4	<p>Điều 2 đang quy định đối tượng áp dụng là cơ quan, tổ chức, cá nhân, tuy nhiên tại Điều 13, Điều 14, Điều 20 đang đề cập đến việc cấp, thu hồi chứng thư chữ ký số cho "thiết bị, dịch vụ, phần mềm". * Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Tại dự thảo Nghị định, đối tượng áp dụng chỉ các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ thể áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Chứng thư chữ ký số cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm là một loại chứng thư chữ ký số cấp cho các chủ thể nêu trên sử dụng. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
2.5	<p>Đề nghị thể hiện rõ các tổ chức, cá nhân khác được trao quyền thực thi chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định là các tổ chức, cá nhân nào. * Cơ quan góp ý: Bộ Tư pháp.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và viết lại như sau: "Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ".</p>
3	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
3.1	<p>Khi sử dụng giải thích từ ngữ nên dùng thuật ngữ đã được Việt hóa. * Cơ quan góp ý: Văn phòng Quốc hội.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu tối đa và chỉnh lý dự thảo.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
3.2	<p>Tại nội dung các khoản 5, 6, 7, 8, 9: Đề nghị không cần phải giải thích trong Nghị định vì những từ ngữ này đã có trong các văn bản chính quyền số, điện tử số và Nghị định có liên quan.</p> <p>* Cơ quan góp ý: HĐND tỉnh Vĩnh Long.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Nghị định của Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao, làm căn cứ để xây dựng các văn bản quy định tại các bộ, ngành, địa phương. Nội dung các khoản 5, 6, 7, 8, 9 cơ bản đã được quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP và Thông tư số 185/2019/TT-BQP. Tuy nhiên, Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ sẽ thay thế các nội dung về chữ ký số chuyên dùng Chính phủ được quy định tại 02 văn bản trên. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.3	<p>Tại khoản 13, đề nghị thay đổi và bổ sung như sau: “Yêu cầu chứng thực là các yêu cầu về cấp mới; gia hạn, thay đổi nội dung thông tin; khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật; thu hồi chứng thư chữ ký số và xác thực việc thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Tỉnh ủy Bình Thuận.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Yêu cầu chứng thực là các yêu cầu cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số bao gồm: cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật. Nội dung về xác thực việc thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật không phải là dịch vụ chứng thực chữ ký số. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.4	<p>Tại khoản 14, đề nghị thay đổi và bổ sung như sau: “Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực là hệ thống điện tử hỗ trợ đăng ký, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên môi trường mạng Internet”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Tỉnh ủy Bình Thuận.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực có thể triển khai trên mạng Internet và các mạng dùng riêng của một số cơ quan đặc thù (Công an, Quân đội, Ngoại giao). Do đó, không nên quy định chỉ sử dụng Hệ thống này trên mạng Internet. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.5	<p>Đề nghị bỏ khoản 15 và không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng lược bỏ các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác và các từ, cụm từ không sử dụng hoặc ít được sử dụng trong toàn bộ dự thảo Nghị định.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
3.6	<p>Tại khoản 18, 19, 20, 21, 22 sửa lại từ "thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử" thành "thẻ căn cước có gắn chip điện tử".</p> <p>* Cơ quan góp ý: UBND tỉnh: Hòa Bình, Quảng Ngãi.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
3.7	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khái niệm: Chữ ký số chuyên dùng công vụ.</p> <p>* Cơ quan góp ý: HĐND tỉnh Hòa Bình.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Khái niệm “Chữ ký số chuyên dùng công vụ” đã được quy định tại Điều 22 Luật Giao dịch điện tử năm 2023. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị không bổ sung cụm từ này vào dự thảo Nghị định.</p>
3.8	<p>Đề nghị sửa khái niệm thành: “Thiết bị lưu khóa bí mật là thiết bị vật lý chuyên dụng chứa khóa bí mật của thuê bao”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
3.9	<p>Đề nghị sửa khái niệm thành: “Thiết bị HSM - Hardware Security Module là thiết bị lưu khóa bí mật tập trung của các thuê bao”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
3.10	<p>Đề nghị làm rõ các thuật ngữ “PKI Token”, “Sim PKI”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
3.11	<p>Đề nghị bổ sung tại khoản 12 như sau: "Cơ quan, tổ chức có nhiều tổ chức quản lý trực tiếp trực thuộc có thể chỉ định một tổ chức trực thuộc có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng quản lý thuê bao chứng thư chữ ký số thuộc cơ quan, tổ chức; thực hiện trách nhiệm của các tổ chức quản lý trực tiếp trực thuộc cơ quan, tổ chức đó theo quy định tại</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: - Quy trình cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đã phát huy hiệu quả trong thực tế, tiết kiệm thời gian cung cấp dịch vụ, hạn chế nhân lực thực hiện, giảm thủ tục hành chính. Đến thời điểm hiện tại, có thể khẳng định đây là quy trình tối ưu để cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nhanh và chất lượng nhất.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	<p>Nghị định này."</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>- Đối với cơ quan có số lượng cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp lớn, theo nhu cầu và mô hình đặc thù có thể linh hoạt giao cho một đầu mối phụ trách tổng hợp đăng ký cung cấp dịch vụ cho các thuê bao trong phạm vi quản lý.</p> <p>Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.12	<p>Tại khoản 3, đề nghị biên tập lại “Khóa là một chuỗi các số 0 và 1 (hệ nhị phân) dùng trong các hệ thống mật mã”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ban Dân vận TW.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Tại khoản 3 giải thích về khái niệm “khóa bí mật”. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.13	<p>Tại khoản 6, đề nghị biên tập lại “Thuê bao là cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số, chấp nhận chứng thư chữ ký số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư chữ ký số được phát hành kèm theo”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ban Dân vận TW.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Hoạt động “phát hành” tại khoản 6 Điều 3 chỉ chủ thể là chứng thư chữ ký số, không phải chủ thể là khóa công khai. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.14	<p>Tại khoản 8, đề nghị biên tập lại “Người nhận là tổ chức, cá nhân được nhận thông điệp dữ liệu được ký số bởi người ký...”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ban Dân vận TW.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau.</p> <p>Được nhận và nhận được trong vấn đề này là hai cụm từ có ý nghĩa nội hàm khác nhau. Được nhận không có nghĩa là chủ thể đã nhận được thông điệp dữ liệu. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị được giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.15	<p>Đề nghị loại bỏ khoản 23, khoản 26, và 27 tại dự thảo Nghị định.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo hướng loại bỏ giải thích từ ngữ “ICAO”.</p> <p>Đối với giải thích các cụm từ “CRL” và “OCSP”: đây là các từ ngữ chuyên ngành quan trọng, dùng trong hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số, có ảnh hưởng trực tiếp tới chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan, tổ chức. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên giải thích từ ngữ đối với 02 cụm từ này.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
3.16	<p>Đề nghị xem xét nội dung quy định về một số từ ngữ. Ví dụ: khóa, hệ thống mật mã không đối xứng, khóa bí mật, khóa công khai... Lý do: Các từ ngữ nêu trên đã quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Luật giao dịch điện tử năm 2005 sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 khi Luật giao dịch điện tử năm 2023 có hiệu lực thi hành, đồng nghĩa Nghị định số 130/2018/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực vào thời điểm đó. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.17	<p>Đề nghị bổ sung giải thích các từ ngữ “Dữ liệu ký số”, “Kiểm tra chữ ký số”, “Đóng dấu thời gian”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: HEND tỉnh Điện Biên.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Các từ ngữ đề nghị bổ sung là các khái niệm thường dùng, dễ hiểu và được sử dụng nhiều trong các văn bản. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
3.18	<p>Bỏ từ “Thiết bị” trong khoản 24 để biên tập thành: “HSM - Hardware Security Module là phần cứng chuyên dụng lưu khóa bí mật tập trung của các thuê bao”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Kiểm toán nhà nước.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Nội dung giải thích từ ngữ tại dự thảo Nghị định nên được xây dựng đầy đủ, dễ hiểu và rõ nghĩa. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như nội dung tại dự thảo Nghị định để đảm bảo mục tiêu đạt được.</p>
3.19	<p>Đề nghị bổ sung thêm khái niệm: “Chữ ký số”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: UBND tỉnh Ninh Bình, Đắk Lắk.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Khái niệm “chữ ký số” được giải thích tại khoản 12 Điều 3 Luật giao dịch điện tử năm 2023. Do đó, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
4	Điều 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ	
	<p>Tại khoản 2: đề nghị không quy định cụ thể về địa chỉ, số điện thoại, mã định danh, vì có thể có sự thay đổi khi có các quy định liên quan thay đổi.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh ủy Lạng Sơn, HEND tỉnh Phú Thọ, UBND tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: - Điều 4 dự thảo Nghị định xây dựng trên cơ sở kế thừa điều 55 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP và tích hợp Điều 4 Thông tư số 185/2019/TT-BQP (trước đây là Điều 4 Thông tư số 08/2016/TT-BQP), nội dung này đã, đang được triển khai thực hiện ổn định, không phát sinh bất cập trong thời gian gần 10</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		<p>năm qua.</p> <p>- Bên cạnh đó, với quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định đó là, Nghị định khi được ban hành có thể thực hiện ngay mà không cần xây dựng Thông tư hướng dẫn. Hơn nữa, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thường xuyên có sự phối hợp, trao đổi cả trực tiếp và trực tuyến với các cơ quan, tổ chức trên toàn quốc trong công tác quản lý, cung cấp, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Vì vậy, để thuận tiện liên hệ, phối hợp công tác, việc đưa một số thông tin cụ thể như nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 là cần thiết.</p>
5	Điều 5. Những hành vi bị cấm trong sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ	
5.1	<p>Tại khoản 1, đề nghị viết lại như sau: “Sử dụng chứng thư chữ ký số sai mục đích mà chứng thư chữ ký số đó được cấp phát”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: 41 ban, bộ, ngành, địa phương.</p>	Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.
5.2	<p>Bỏ từ “Không” đầu câu tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6.</p> <p>* Cơ quan góp ý: 21 ban, bộ, ngành, địa phương.</p>	Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.
5.3	<p>Đề nghị bổ sung thêm khoản 7 với nội dung “Các tổ chức, cá nhân đã được cung cấp thiết bị lưu khóa bí mật thuê bao chữ ký số không cho phép các tổ chức, cá nhân khác thuê, mượn thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, đơn vị, cá nhân mình để sử dụng với mục đích khác, trường hợp bị thất lạc phải báo cáo, đề nghị thu hồi kịp thời theo quy định”.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 đã bao hàm nội dung như ý kiến tham gia. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	* Cơ quan góp ý: Tỉnh ủy Hà Tĩnh.	
5.4	<p>Đề nghị bổ sung chế tài đối với hành vi vi phạm điều cấm.</p> <p>* Cơ quan góp ý: HĐND tỉnh Vĩnh Long, Sóc Trăng.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Việc xây dựng chế tài đối với hành vi vi phạm điều cấm trong quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ là cần thiết. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nội dung này sẽ được Bộ Quốc phòng rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung quy định về xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực Cơ yếu, trong đó có nội dung chữ ký số chuyên dùng công vụ.</p>
5.5	<p>Tại khoản 3, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh “truy nhập” bằng cụm từ “truy cập”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: HĐND tỉnh Hòa Bình.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
5.6	<p>Tại khoản 2, đề nghị biên tập lại thành: “Không sử dụng chứng thư chữ ký số của thuê bao làm chứng thư chữ ký số của hệ thống chứng thực khác và ngược lại”.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Tỉnh ủy Quảng Ninh.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
5.7	<p>Đề nghị loại bỏ Điều 5 để tuân thủ đúng tinh thần của Hiến pháp (khoản 2 Điều 14), các quy định hạn chế quyền con người, quyền công dân trong trường hợp cần thiết chỉ bị hạn chế tại văn bản cấp Luật.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Chữ ký số chuyên dùng công vụ có giá trị pháp lý tương đương chữ ký tay và con dấu của cơ quan, tổ chức trong hoạt động thi hành công vụ. Việc đảm bảo an toàn cho chữ ký số là nhân tố quan trọng hàng đầu. Vì vậy, cần có những quy định về hành vi bị cấm để đảm bảo độ an toàn cao nhất cho chữ ký số. Hơn nữa, quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (khoản 2 Điều</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		14 Hiến pháp năm 2013). Ở đây, quyền con người, quyền công dân được quy định trong hiến pháp là những hành vi hợp pháp. Còn những hành vi trái pháp luật không phải là quyền nên không thể cho rằng quy định cấm trong dự thảo Nghị định là vi phạm Hiến pháp.
6	Điều 6. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực	
6.1	<p>Đề nghị bổ sung cho phép thực hiện gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực bằng văn bản giấy vì trong thực tế khi thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao là cơ quan, tổ chức bị khóa hoặc thất lạc thì chỉ có thể sử dụng văn bản giấy để gửi yêu cầu chứng thực tới Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Thành ủy Đà Nẵng, Tỉnh ủy Quảng Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Thực tế thời gian qua, việc gửi nhận yêu cầu chứng thực bằng văn bản giấy mất nhiều thời gian, nhân lực, kinh phí so với việc thực hiện trên môi trường điện tử. Hơn nữa, việc sử dụng văn bản giấy sẽ hạn chế trong việc xử lý và số hóa dữ liệu, cản trở quá trình chuyển đổi số. Đối với trường hợp thuê bao là cơ quan, tổ chức bị khóa hoặc thất lạc thiết bị thì cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trên sẽ thực hiện yêu cầu cấp lại hoặc khôi phục thiết bị cho thuê bao. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
6.2	<p>Đề nghị bổ sung hình thức gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực: "Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa các cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ ... qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực; Hệ thống quản lý và điều hành điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích".</p> <p>* Cơ quan góp ý: UBND tỉnh Lai Châu.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung phương thức gửi, nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia (tại Điều 6). Trong đó, việc gửi, nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia đã bao gồm việc gửi, nhận qua Hệ thống quản lý và điều hành điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước.</p>
6.3	<p>Đề nghị chỉnh sửa và biên tập lại như sau:</p> <p>"Điều 6. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực</p> <p>1. Việc gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa cơ</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và viết lại như sau:</p> <p>Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	<p>quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải sử dụng văn bản điện tử và gửi đến Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thông qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực".</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Nội vụ.</p>	<p>Thực hiện bằng văn bản điện tử đã ký số theo quy định của pháp luật về công tác văn thư qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia.</p>
6.4	<p>Đề nghị xem xét bổ sung quy định: Địa chỉ web của Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực; Quy định về việc cấp tài khoản truy cập hệ thống này cho các cơ quan, tổ chức; Quy định cho phép cơ quan, tổ chức gửi yêu cầu chứng thực qua Trục liên thông văn bản quốc gia trong thời gian chưa được cấp tài khoản truy cập Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính, UBND tỉnh Khánh Hòa.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin tiếp thu và giải trình cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung đề nghị bổ sung liên quan Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực đã được tài liệu hóa và đăng tải trên trang thông tin điện tử https://ca.gov.vn (đã xác định tại Điều 4). Đây là các vấn đề kỹ thuật không nên quy định tại Nghị định. - Bên cạnh đó, việc cấp tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực là tức thời khi cơ quan, tổ chức đăng ký đúng theo yêu cầu. - Đối với đề nghị bổ sung quy định cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp gửi yêu cầu chứng thực qua Trục liên thông văn bản quốc gia: Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý tại Điều 6 dự thảo Nghị định.
6.5	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định cho trường hợp cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp chưa có chứng thư chữ ký số (đơn vị mới thành lập, mới thay đổi cơ quan đầu mối khác...) cần thực hiện gửi yêu cầu cấp mới chứng thư chữ ký số lần đầu.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Đối với trường hợp cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp chưa có chứng thư chữ ký số: cơ quan, tổ chức quản lý cấp trên sẽ đề nghị cấp chứng thư chữ ký số cho cơ quan, tổ chức này. Hiện tại, việc ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ đã được thực hiện tới cấp xã và việc cấp chứng thư chữ ký số tương đối</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	* Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	thuận tiện và nhanh chóng. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định cho trường hợp cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp chưa có chứng thư chữ ký số.
7	Điều 7. Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật	
7.1	<p>Đề nghị bổ sung quy định Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cung cấp danh sách của các đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để thuận tiện cho các cơ quan, tổ chức trong quá trình gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Việc sử dụng đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật hoặc thực hiện các yêu cầu chứng thực do cơ quan, tổ chức chủ động lựa chọn theo tình hình và nhu cầu thực tế của mỗi đơn vị. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ sẽ cung cấp dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức khi nhận được yêu cầu hợp lệ. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>
7.2	<p>Đề nghị làm rõ và có quy định riêng về “tổ chức cơ yếu” đối với các cơ quan không phải Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, đồng thời quy định thống nhất nội dung tại Điều 7 và khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: - Theo Điều 7 dự thảo Nghị định, việc gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật giữa thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ có thể được thực hiện bằng phương thức trực tiếp thông qua tổ chức cơ yếu (bao gồm cả tổ chức cơ yếu đối với các cơ quan không thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao). Đối với tổ chức cơ yếu thuộc các cơ quan Đảng sẽ được thực hiện chi tiết theo hướng dẫn của Văn phòng TW Đảng. - Nội dung tại Điều 7 và khoản 3 Điều 11: việc gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật và mật khẩu sử dụng thiết bị này được thực hiện qua hai kênh khác nhau. Hơn nữa, việc giao nhận thiết bị lưu khóa bí mật có biên bản xác nhận đầy đủ. Do đó, khóa bí mật tương ứng với từng chứng thư chữ ký số của thuê bao được lưu giữ trên thiết bị lưu khóa bí mật được chuyển đến thuê bao đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 7. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
8	Điều 10. Nội dung chứng thư chữ ký số	
8.1	<p>Tại khoản 2, đề nghị bổ sung quy định rõ nội dung thông tin "Tên của thuê bao" để làm căn cứ thực hiện thủ tục thay đổi thông tin chứng thư số.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Thông tin "Tên của thuê bao" được ghi đầy đủ, rõ ràng trong chứng thư chữ ký số. Do đó, không cần thiết quy định rõ hơn nội dung về thông tin này trong dự thảo Nghị định.</p>
8.2	<p>Tại khoản 7, đề nghị quy định rõ nội hàm của "Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số" (nội dung này không có trong mẫu đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký số).</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư chữ ký số bao gồm: ký số, mã hóa khóa, mã hóa dữ liệu, chống chối bỏ. Các nội dung này được quy định trong chứng thư chữ ký số (trường Key Usage), do đó không cần thiết quy định cụ thể trong dự thảo Nghị định.</p>
9	Điều 11. Tạo và phân phối các cặp khóa	
	<p>Đến thời điểm hiện tại, Ban Cơ yếu Chính phủ mới chỉ triển khai ký số tập trung (sử dụng thiết bị HSM của Ban Cơ yếu Chính phủ) cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, chưa đáp ứng nhu cầu ký số tập trung trong các lĩnh vực khác. Do đó, đề nghị bổ sung quy định đối với trường hợp cơ quan, tổ chức tự trang bị thiết bị HSM để lưu khóa bí mật của thuê bao cá nhân, thuê bao tổ chức thuộc quản lý của cơ quan, tổ chức. Việc chủ động trang bị thiết bị HSM này hết sức cần thiết đối với Bộ Tài chính, để đảm bảo xử lý thủ tục về thuế, hải quan, chi ngân sách nhà nước kịp thời (áp dụng ký số tổ chức tự động trong thủ tục hành chính công, dịch vụ công trực tuyến); đồng thời đáp ứng yêu cầu ký số cá nhân đến cấp chuyên viên trong quá trình xử</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: - Giao dịch điện tử của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị có tính pháp lý cao; do đó việc tạo, sử dụng khóa bí mật của các thuê bao phải được kiểm soát, quản lý tập trung, quy trình thực hiện phải chặt chẽ nhằm đảm bảo an ninh, an toàn. Các nội dung này nếu thực hiện phân tán tại cơ quan, đơn vị có thể dẫn đến nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, thậm chí có nguy cơ mất toàn bộ thông tin và khóa người dùng. Để giải quyết vấn đề này, các ban, bộ, ngành, địa phương cần phải thiết lập hệ thống kỹ thuật công nghệ đồng bộ, hiện đại, có cơ chế dự phòng, đặc biệt phải có nguồn nhân lực chuyên trách để quản lý, duy trì. Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, theo đó việc quản lý, duy trì các Trung tâm tích hợp dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương sẽ có những điều chỉnh nhất định. Do đó, việc bảo đảm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ sử dụng thiết bị HSM của các cơ quan, đơn vị</p>

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	lý văn bản. * Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính, Đài Truyền hình Việt Nam.	cần rà soát, đánh giá kỹ lưỡng. - Trường hợp các cơ quan, tổ chức có số lượng hồ sơ số hóa lớn, cần ký số tốc độ cao sử dụng bị thiết bị HSM và đảm bảo được các vấn đề về an ninh, an toàn, thì việc cung cấp chứng thư chữ ký số vẫn được thực hiện theo quy trình trong dự thảo Nghị định (Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số tạo cặp khóa, tạo chứng thư chữ ký số). Trong trường hợp này, tùy theo điều kiện, nhu cầu thực tế, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ sẽ có hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện cho phù hợp.
10	Điều 12. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số	
10.1	Đề nghị tăng thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số của thuê bao: cấp mới thời hạn có hiệu lực tối đa là 10 năm và gia hạn thời hạn có hiệu lực tối đa là 05 năm. * Cơ quan góp ý: Bộ Công Thương; Thành ủy Đà Nẵng; Tỉnh ủy Quảng Nam; UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc.	Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển không ngừng, đòi hỏi kỹ thuật công nghệ về chữ ký số phải luôn phát triển, thay đổi để đảm bảo an toàn cao nhất. Bên cạnh đó, thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số đã được nghiên cứu, triển khai phù hợp với một số nội dung của công tác cán bộ. Do đó, để đảm bảo an toàn và phù hợp với nhiệm kỳ công tác, thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số quy định tại dự thảo Nghị định là hợp lý và đã được thực tiễn kiểm nghiệm qua gần 20 năm triển khai.
10.2	Tại khoản 3, đề nghị làm rõ đây là chứng thư chữ ký số của cơ quan hay cá nhân? Nếu áp dụng cho cả cơ quan và cá nhân thì đề nghị sửa thành: “Thuê bao chứng thư chữ ký số gia hạn, thời hạn có hiệu lực được gia hạn tối đa là 03 năm”. * Cơ quan góp ý: UBND tỉnh Vĩnh Phúc.	Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: Tại khoản 3, quy định chứng thư chữ ký số cho các thuê bao là: cá nhân; cơ quan, tổ chức; thiết bị dịch vụ phần mềm. Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và viết lại như sau: “Chứng thư chữ ký số của thuê bao được gia hạn, thời hạn có hiệu lực được gia hạn tối đa là 03 năm”.

TT	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
11	Điều 13. Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số	
11.1	<p>Từ Điều 13 đến Điều 24: Đề nghị bổ sung quy định theo hướng cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thuê bao có thể chủ động thực hiện thủ tục đề nghị yêu cầu chứng thực với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công vụ.</p> <p>* Cơ quan góp ý: Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý dự thảo.</p>
11.2	<p>Đề nghị gộp Điều 13 và Điều 14 thành một Điều là "Cấp mới chứng thư chữ ký số"; gộp Điều 15 và Điều 16 thành một Điều là "Gia hạn chứng thư chữ ký số"; gộp các Điều 17, 18, 19 thành một điều là "Thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số"; gộp các Điều 20, 21, 22, 23 thành một điều là "Thu hồi, tiêu hủy chứng thư chữ ký số".</p> <p>* Cơ quan góp ý: Tỉnh ủy Lai Châu.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Để đồng bộ theo định dạng chung, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện, các dịch vụ cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số tại dự thảo Nghị định đều được xây dựng theo trình tự từ "Điều kiện" sau đó đến "Hồ sơ, trình tự, thủ tục". Các nội dung này đối với mỗi dịch vụ rất quan trọng, có nhiều điểm khác biệt và cần chi tiết hóa để dễ dàng triển khai, áp dụng. Do đó, cần thiết quy định nội dung này thành các Điều riêng để thực hiện đầy đủ, chính xác. Vì vậy, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như nội dung tại dự thảo Nghị định.</p>
11.3	<p>Tại điểm a khoản 1, đề nghị làm rõ cá nhân đề nghị cấp chứng thư chữ ký số cụ thể là công chức, viên chức, lao động hợp đồng...</p> <p>* Cơ quan góp ý: UBND tỉnh Vĩnh Phúc.</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau:</p> <p>Theo Điều 22 Luật giao dịch điện tử: "Chữ ký số chuyên dùng công vụ là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công vụ và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ". Hơn nữa, Điều 2 dự thảo Nghị định đã quy định rõ đối tượng áp dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ. Vì vậy, không cần thiết quy định rõ đối tượng cá nhân đề nghị cấp chứng thư chữ ký số như theo đề nghị.</p>